|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu số 01/NSSL-HM**  *(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)* |  | **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM VÀ CÂY HẰNG NĂM KHÁC CỦA HỘ  Vụ sản xuất:....... năm 20..... |

*Hộ số*

|  |
| --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: *....................................................................................................* |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ............................................................................... |
| Xã/phường/thị trấn: .................................................................................................. |
| Thôn/ấp/bản/tổ dân phố: .............................................................................................................. |
| Họ và tên chủ hộ: .................................................................  Dân tộc............................. |
|  |

**I. Thông tin về tình hình sản xuất cây hằng năm của hộ**

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc lĩnh vực nào sau đây? (CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN)

1 Cây trọng điểm 2 Cây hằng năm khác 🡪 Câu 3

2. Trong vụ sản xuất [....] vừa qua, hộ [ÔNG/BÀ] có trồng cây[[1]](#footnote-1) [.....] không? (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỘ ĐIỀU TRA CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM)

1 CÓ 2 KHÔNG >> Kết thúc phỏng vấn.

**3. Trong vụ sản xuất [....] vừa qua, hộ [ÔNG/BÀ] gieo trồng và thu hoạch những loại cây hằng năm nào sau đây?** (ĐTV khai thác thông tin về các loại cây hằng năm mà hộ gieo trồng trong vụ sản xuất vừa qua, Chương trình hiển thị danh sách các loại cây hằng năm (ngoài cây lúa) để ĐTV tích chọn. Tiếp theo, chương trình hỏi lần lượt cho từng loại cây hằng năm được tích chọn).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 3.1. Diện tích gieo trồng [……] trong vụ sản xuất? |  | (m2) |
| 3.2. Diện tích thu hoạch [……] trong vụ sản xuất? |  | (m2) |
| 3.3. Sản lượng thu hoạch [……] trong vụ sản xuất? |  | (kg) |
| 3.4. Sản lượng bán sản phẩm [……] của vụ sản xuất? |  | (kg) |
| 3.5. Doanh thu bán sản phẩm […...] của vụ sản xuất? |  | (1000 đồng) |
| 3.6. Tổng chi phí **dịch vụ thuê ngoài**[[2]](#footnote-2) đối với sản xuất cây [….] trên diện tích thu hoạch của hộ trong vụ sản xuất là bao nhiêu? |  | (1000 đồng) |
| 3.6.1. Trong đó: Chi phí dịch vụ thuê ngoài đối với hoạt động sau thu hoạch (phơi, sấy, sơ chế sản phẩm) đối với sản phẩm của cây [….] của hộ trong vụ sản xuất là bao nhiêu? |  | (1000 đồng) |

**II. Thông tin về sử dụng sản phẩm phụ trồng trọt**

(Phần này chỉ hỏi đối với những hộ có trồng ngô/bắp lấy hạt)

4. Hộ có thu hoạch và sử dụng sản phẩm phụ là thân cây ngô/bắp không?

1 CÓ 2 KHÔNG >> Kết thúc phỏng vấn.

5. Sản lượng sản phẩm phụ thân cây ngô/bắp hộ thực tế sử dụng? (kg)

6. Hộ có bán sản phẩm phụ là thân cây ngô/bắp không?

1 CÓ 2 KHÔNG >> Kết thúc phỏng vấn.

7. Sản lượng bán sản phẩm phụ thân cây ngô/bắp là bao nhiêu? (kg)

8. Doanh thu bán sản phẩm phụ thân cây ngô/bắp là bao nhiêu tiền? (1000 đ)

|  |
| --- |
| **KẾT THÚC PHỎNG VẤN** |

Họ và tên người cung cấp thông tin:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số điện thoại của người cung cấp thông tin:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. *Đối với hộ được chọn mẫu đại diện cho loại cây trọng điểm của tỉnh, chương trình máy tính sẽ tự động tích chọn loại cây trồng tương ứng, ĐTV hỏi lại để xác nhận, trường hợp hộ thực tế không gieo trồng🡪 thay hộ mẫu.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Dịch vụ thuê ngoài trồng trọt bao gồm: dịch vụ thuê làm đất; thuê thu hoạch; thuê gieo trồng; thuê chăm sóc; thuê phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (phun thuốc sâu, ...); thuê phơi, sấy, sơ chế sản phẩm sau thu hoạch.* [↑](#footnote-ref-2)